

Sau hơn 20 năm đổi mới và mở cửa, Việt Nam đã và đang đạt được những thành tựu đáng khích lệ, nền kinh tế chuyển dần theo hướng thị trường, tăng trưởng GDP ở mức cao trong khu vực, cơ cấu kinh tế dịch chuyển tích cực theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá. Đạt được kết quả trên có sự đóng góp rất lớn của toàn Đảng, toàn dân và các thành phần kinh tế nói chung, công ty cổ phần (CTCP) nói riêng. Thực trạng hoạt động của các CTCP trong các năm qua có xu hướng phát triển tích cực, để đạt được kết quả đó không thể không nhắc đến vai trò của tín dụng ngân hàng đối với các CTCP. Tuy nhiên, cùng với xu thế toàn cầu hoá, các doanh nghiệp nói chung, CTCP nói riêng đang phải đối mặt với những khó

khăn, mất vốn gây rủi ro cho hoạt động tín dụng của các ngân hàng. Để giúp các CTCP đứng vững trên thương trường quốc tế, tín dụng ngân hàng đang là kênh có hiệu quả để các công ty này phát huy vai trò và thế mạnh của mình. Song đi kèm với việc tăng trưởng tín dụng đối với loại hình doanh nghiệp này, nâng cao chất lượng tín dụng là yếu tố then chốt từ đó giữ vững sự ổn định của nền kinh tế nói chung và của CTCP nói riêng. Trong phạm vi bài viết này tôi xin đề cập đến những khía cạnh pháp lý ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng, từ đó đề ra các giải pháp nâng cao lượng tín dụng của các doanh nghiệp nói chung, CTCP nói riêng.

1. THỰC TRẠNG PHÁP LÝ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG

CỦA CÁC CTCP TẠI CÁC NHTM VIỆT NAM

1.1. Thực trạng chất lượng tín dụng của các CTCP tại Việt Nam

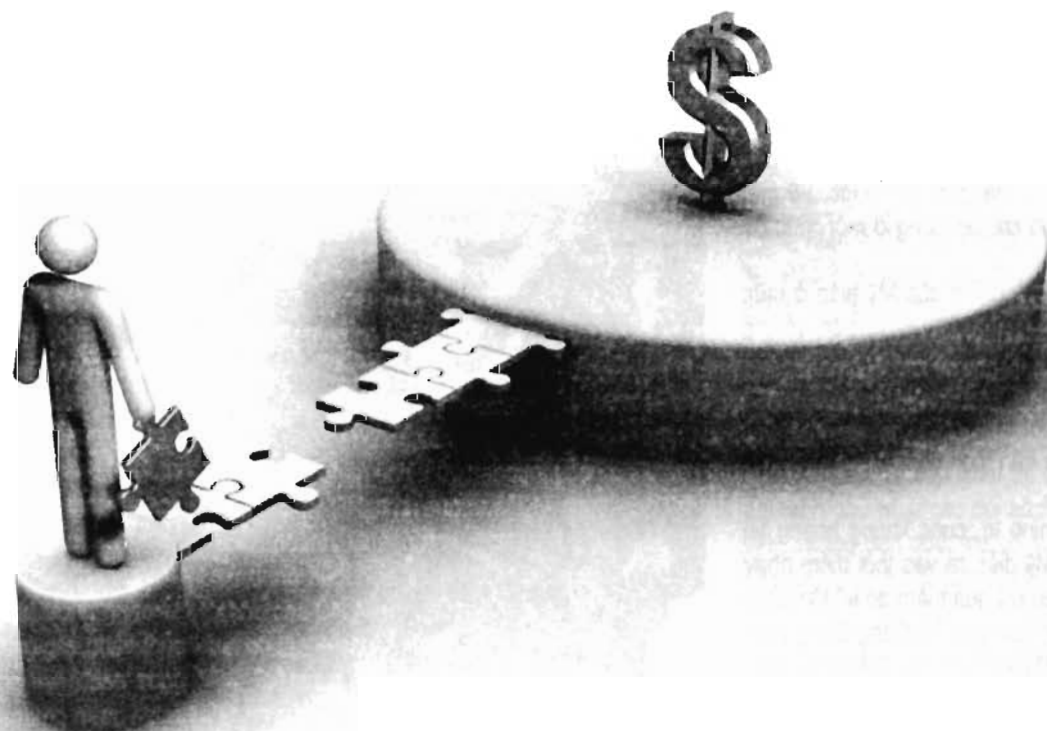
Tỷ lệ nợ xấu của doanh nghiệp cổ phần khoảng 5,4% trên tổng dư nợ vay của doanh nghiệp cổ phần, cao hơn tỷ lệ nợ xấu chung (3,2%); trong đó, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá có tỷ lệ nợ xấu là 6,51%, doanh nghiệp cổ phần khác là 1,92% trên tổng dư nợ vay.

- Tình hình nợ xấu của các doanh nghiệp cổ phần có chiều hướng gia tăng trong những năm gần đây (tỷ lệ nợ xấu năm 2003: 1,77%; năm 2004: 2,13%; năm 2005: 7,72%; năm 2006: 6,51%; năm 2007 và đầu 2008 có xu hướng tăng, ước tính khoảng 7,71%).

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG

ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP VÀ MỞ CỬA

ĐẶNG VĂN HẢI



Nguyên nhân gia tăng nợ quá hạn của các CTCP:

+ Do cơ chế chính sách thay đổi, một số doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá còn chưa bắt kịp được với thị trường, bộ máy quản lý chưa hiệu quả, máy móc thiết bị cũ, lạc hậu; sức cạnh tranh trên thị trường của sản phẩm thấp, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp, khả năng trả nợ trở nên khó khăn.

+ Các NHTM thực hiện cơ chế phân loại nợ mới phù hợp với thông lệ quốc tế nên nợ xấu có sự gia tăng.

+ Tình hình lạm phát năm 2007 và đầu 2008 có xu hướng gia tăng, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và NHNN Việt Nam về thắt chặt tiền tệ, các NHTM hạn chế và thắt chặt tín dụng, do đó một số doanh nghiệp vốn tự có thấp, thiếu vốn sản xuất nên đã gặp khó khăn lớn.

+ Giá cả đầu vào biến động lớn, chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm tăng, cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt.

- Tuy nhiên, bên cạnh đó nhiều doanh nghiệp cổ phần sử dụng vốn vay hiệu quả, đúng mục đích, bảo đảm kinh doanh hiệu quả, quan hệ tín dụng sòng phẳng, tạo uy tín tốt đối với các NHTM; qua đó các NHTM tăng sự tin tưởng đối với doanh nghiệp cổ phần, tạo lập được các khách hàng truyền thống và có chính sách khuyến khích, ưu đãi liên quan đến quan hệ tín dụng. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và NHNN Việt Nam, các NHTM đang có chiến dịch đồng hành và chia sẻ khó khăn cùng các doanh nghiệp, theo đó từ cuối tháng 8/2008 các NHTM lớn như Vietcombank, BIDV, Agribank... đã đồng loạt hạ lãi suất cho vay ưu đãi đối với các khách hàng chiến lược. Đến cuối tháng 10/2008 các NHTM này tiếp tục có mức hạ thêm và nhiều NHTMCP cũng đồng loạt hưởng ứng hạ lãi suất. (đến nay mức lãi suất cho vay thấp nhất ở mức 16,2%/năm).

1.2. Thực trạng những vấn đề pháp lý ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng của các CTCP tại các ngân hàng thương mại Việt Nam

1.2.1. Về đăng ký kinh doanh

Đăng ký kinh doanh là căn cứ pháp lý đến doanh nghiệp kinh doanh những ngành nghề được nhà nước cho phép.

Do vậy, hoạt động của doanh nghiệp phải tuân thủ những ngành nghề đã đăng ký, trong trường hợp có sự thay đổi doanh nghiệp phải đăng ký lại những nội dung đã thay đổi.

Trong quá trình xem xét tín dụng, các NHTM căn cứ vào những ngành nghề doanh nghiệp đã đăng ký từ đó xác định đối tượng cho vay có phù hợp với đăng ký không. Hiện nay, một số doanh nghiệp do chạy theo lợi nhuận nên đã kinh doanh những ngành nghề mà doanh nghiệp chưa đăng ký hoặc pháp luật không cho phép. Do vậy, trong quá trình xem xét cho vay cán bộ tín dụng cần phải xác định những ngành nghề kinh doanh

...Quá trình phê duyệt không đúng thẩm quyền sẽ dẫn đến những tranh chấp phát sinh từ đó có thể làm vô hiệu hợp đồng đảm bảo, hợp đồng vay vốn gây tổn thất cho ngân hàng...

đã đăng ký và những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, những ngành nghề kinh doanh cần phải có vốn pháp định để xác định đối tượng được phép cho vay nhằm tránh những rủi ro pháp lý có thể xảy ra. (Điều 4, 5, 6, 7 Nghị định 139/2007/NĐ-CP ngày 05/09/2007 quy định về ngành nghề kinh doanh...).

1.2.2. Về đại hội đồng cổ đông

Điều 96 Luật doanh nghiệp 2005 quy định: Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của CTCP. Đại hội đồng cổ đông có quyền: Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ khác.

Đối chiếu quy định trên khi xem xét cho vay, cán bộ tín dụng phải xác định dự án/phương án kinh doanh của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền phán quyết của ai? Từ đó thu thập các tài liệu pháp

lý như: Nghị quyết hoặc Trích nghị quyết, biên bản họp đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án kinh doanh và vay vốn (nếu trường hợp phương án/dự án thuộc thẩm quyền phán quyết của Đại hội đồng cổ đông). Thông thường những dự án trên thường là những dự án lớn, có tính phức tạp cao, do đó quá trình thẩm định cấp tín dụng phải hết sức chặt chẽ.

Rủi ro pháp lý liên quan đến thẩm quyền phê duyệt dự án của Đại hội đồng cổ đông có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng tín dụng của dự án, của khách hàng. Nếu quá trình phê duyệt không đúng thẩm quyền sẽ dẫn đến những tranh chấp phát sinh (người phê duyệt dự án, người ký hợp đồng đảm bảo, hợp đồng vay vốn không đúng thẩm quyền...) từ đó có thể làm vô hiệu hợp đồng đảm bảo, hợp đồng vay vốn gây tổn thất cho ngân hàng.

1.2.3. Về Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có quyền: Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty (Điều 108 Luật doanh nghiệp 2005).

Như vậy đối với các hợp đồng vay vốn có giá trị lớn, thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong quá trình cho vay, phải cán bộ tín dụng phải hoàn thiện các văn bản pháp lý về việc uỷ quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc/giám đốc được ký các hợp đồng đảm bảo và hợp đồng tín dụng liên quan đến dự án trên nhằm đảm bảo người phê duyệt dự án, người ký các hợp đồng phải đúng thẩm quyền hạn chế rủi ro; đảm bảo vừa tăng trưởng vừa nâng cao chất lượng tín dụng.

1.2.4. Về Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 111 Luật doanh nghiệp 2005 quy định: Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ



tịch Hội đồng quản trị thì Chủ tịch được bầu trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

Trong một số CTCP hiện nay, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc/Tổng giám đốc. Tuy nhiên, tại các văn bản ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ghi Giám đốc/Tổng giám đốc, song tại các hợp đồng tín dụng hợp đồng bảo đảm lại ký tên và đóng dấu với chức danh khác. Điều này dẫn đến sự thiếu nhất quán trong các hồ sơ cho vay, vì vậy để hạn chế rủi ro, hoàn thiện tính pháp lý của hồ sơ, cán bộ ngân hàng nên yêu cầu khách hàng cung cấp các văn bản ủy quyền và khi ký trên các hợp đồng phải có sự nhất quán.

1.2.5. Về Giám đốc

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có quyền: Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị (Điều 116 Luật doanh nghiệp).

Như vậy, đối chiếu với các quy định tại điều 96, 108, 111 của Luật doanh

nh nghiệp thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có quyền ký các hợp đồng kinh tế có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ khác. Trường hợp giá trị lớn hơn phải có văn bản ủy quyền của Hội đồng quản trị.

Do đó, để đảm bảo tính pháp lý của các hợp đồng, ngân hàng phải lưu giữ các văn bản ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về thẩm quyền của Giám đốc/Tổng giám đốc. Thực tế, tại một số các ngân hàng thương mại hiện nay ít quan tâm đến vấn đề trên, đây cũng là một trong các nguy cơ rủi ro tác nghiệp có thể dẫn đến kiện tụng, khó khăn, mất vốn đối với các ngân hàng...

1.2.6. Về báo cáo quyết toán

Theo quy định số:15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 v/v ban hành Chế độ Kế toán doanh nghiệp: (1) Tất cả các doanh nghiệp thuộc các ngành, các thành phần kinh tế đều phải lập và trình bày báo cáo tài chính năm. (2) Đối với DNNN, các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán còn phải lập báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ. Như vậy, khách hàng không phải là DNNN và các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán thì không bắt buộc phải lập báo cáo tài chính niên độ theo quý.

Hiện nay, một số khách hàng là

CTCP nếu vốn Nhà nước không chiếm tỷ lệ chi phối, khách hàng thường lập báo cáo tài chính theo năm. Như vậy, việc theo dõi tính liên tục, luồng luân chuyển của vốn sẽ khó khăn dẫn đến thông tin thiếu chính xác. Vì vậy, để đảm bảo tính kịp thời ngân hàng nên yêu cầu khách hàng báo cáo theo quý về: doanh thu, lợi nhuận, tổng tài sản, chi tiết các khoản phải thu, phải trả, hàng tồn kho... từ đó có kế hoạch đầu tư đúng hướng.

2. MỘT VÀI GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG CỦA CÁC CTCP TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

2.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật

+ Về phía Quốc hội, Chính phủ: ban hành và hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là các Luật về tài chính tiền tệ nhằm tạo ra hành lang pháp lý để hoạt động ngân hàng ngày càng phát triển. Đồng thời phải có các chế tài nghiêm khắc đối với các hành vi gây thiệt hại đến hoạt động tín dụng, tiền tệ, ngân hàng.

+ Về phía Ngân hàng Nhà nước: hướng dẫn thi hành kịp thời các chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước về hoạt động ngân hàng. Đồng thời có chế tài để phối hợp các ngân hàng nhằm phát huy sức mạnh tập thể, tạo ra sự đồng thuận giữa ngân hàng và các doanh nghiệp nói chung, CTCP nói riêng.

2.2. Nâng cao chất lượng thẩm định

tín dụng

2.2.1. Thẩm định tư cách khách hàng

Tư cách khách hàng đóng vai trò hết sức quan trọng, ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng tín dụng của các ngân hàng. Việc thẩm định tư cách khách hàng phải chú trọng thường xuyên, trong đó tư cách của người lãnh đạo giữ vai trò quan trọng. Thực tế, nếu không thẩm định kỹ tư cách khách hàng, tư cách người lãnh đạo điều hành sẽ dễ dẫn đến rủi ro. Vì nếu những khách hàng có tiền sử lừa đảo hoặc tư cách, đạo đức không tốt thì việc hợp tác sẽ rất khó khăn, đặc biệt trong quá trình xử lý các tình huống thu hồi nợ vay.

2.2.2. Thẩm định tính pháp lý

Thẩm định tính pháp lý phải nên chú trọng đến cả hai phương diện: năng lực dân sự của khách hàng và tính pháp lý của phương án/ dự án. Thẩm định tính pháp lý để đảm bảo sự đầu tư đúng hướng, đúng pháp luật, tránh những rủi ro pháp lý có thể xảy ra. Muốn vậy, cán bộ ngân hàng phải thu thập đầy đủ hồ sơ pháp lý của khách hàng như: giấy phép kinh doanh, quyết định bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc; các văn bản ủy quyền cần thiết... từ đó đối chiếu với các quy định của pháp luật hiện hành. Đối với các phương án/dự án quan trọng phải thu thập các tài liệu liên quan như: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị đồng ý đầu tư phương án/dự án; các văn bản ủy quyền cho Giám đốc hoặc Tổng giám đốc được ký các văn bản như hợp đồng đảm bảo, hợp đồng vay vốn...

2.2.3. Thẩm định về thị trường

Thẩm định thị trường có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, thực tế dự án/phương án có hiệu quả hay không phải bắt nguồn từ việc nghiên cứu thị trường. Thẩm định thị trường đầu ra, thị trường đầu vào từ đó xác định đối tượng khách hàng phù hợp. Thực tế, nếu thẩm định thị trường không kỹ thì các chỉ tiêu tài chính như: doanh thu, chi phí... không có ý nghĩa xác thực, như vậy sẽ ảnh hưởng lớn đến nguồn để trả nợ vay ngân hàng. Các chỉ tiêu tài chính chỉ có ý nghĩa chính xác khi khách hàng xác định đúng thị trường đầu ra đầu vào để từ đó tạo ra doanh thu, như vậy thẩm định về mặt thị trường theo tôi có ý nghĩa quan trọng nhất.

2.2.4. Thẩm định kỹ thuật

Thẩm định về mặt kỹ thuật thường khá phức tạp, do hầu hết các cán bộ thẩm định đều không am hiểu nhiều về mặt kỹ thuật. Vì vậy, đối với các dự án phức tạp, nhập máy móc thiết bị đặc chủng từ nước ngoài ngân hàng nên mời các chuyên gia tư vấn và thẩm định riêng. Các chuyên gia này sẽ thẩm định về mặt kỹ thuật chính xác hơn, hạn chế rủi ro khi mua các thiết bị cũ, công nghệ lạc hậu và không đồng bộ...

2.2.5. Thẩm định tài chính

Thẩm định tài chính chỉ chính xác khi thẩm định trên phương diện thị trường và thẩm định kỹ thuật chính xác. Thực vậy, nếu không có thị trường đầu ra thì sẽ

...Kỹ năng quản lý điều hành của người lãnh đạo thể hiện ở khả năng dùng người, khả năng quy tụ và khả năng định hướng... nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để đạt được các mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn nhất định...

không thể có doanh thu, ngược lại thị trường đầu vào không hợp lý dẫn đến chi phí cao, dự án có thể thua lỗ; hoặc nếu máy móc không đồng bộ, không phát huy đúng công suất như thiết kế cũng ảnh hưởng đến doanh thu, chi phí và nguồn trả nợ ngân hàng.

Theo tôi, thẩm định tài chính của dự án nên chú trọng vào các vấn đề như: nguồn vốn của chủ sở hữu tham gia, cơ cấu vốn cố định và vốn lưu động của dự án, phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp, các chỉ tiêu NPV, IRR, phân tích độ nhạy của dự án...

2.3. Nâng cao chất lượng cán bộ thẩm định

Cán bộ thẩm định là người trực tiếp tiến hành thẩm định khách hàng, dự án, do vậy cán bộ đó phải là người có trình độ chuyên môn nhất định phù hợp với ngành nghề và đối tượng khách hàng đó. Nâng cao chất lượng cán bộ thẩm định phải chú trọng cả về trình độ chuyên môn, đạo đức kinh doanh, khả năng giao tiếp, nâng cao khả năng tư duy phân tích tổng hợp. Muốn vậy, các ngân hàng thương mại phải có chiến lược đào tạo và sử dụng con người đúng hướng, hạn chế lãng phí chất xám của nguồn

nhân lực.

2.4. Nâng cao năng lực quản lý điều hành của cán bộ lãnh đạo

Kỹ năng quản lý điều hành của người lãnh đạo thể hiện ở khả năng dùng người, khả năng quy tụ và khả năng định hướng... nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để đạt được các mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn nhất định. Đạt được kết quả trên đòi hỏi người lãnh đạo phải có tâm và "tâm", bên cạnh đó người lãnh đạo phải mang cốt cách doanh nhân thời đại hội nhập, đó là khả năng sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, có tinh thần vì mọi người, vì hiệu quả kinh tế xã hội của doanh nghiệp...

2.5. Nâng cao hiệu quả kiểm tra vốn vay

Việc kiểm tra vốn sau cho vay phải tập trung chú ý vào một số nội dung cơ bản sau:

♦ Về các chỉ tiêu định tính:

+ Đối tượng, giá trị vật tư hàng hoá đến ngày kiểm tra

+ Tình hình công nợ

+ Các chỉ tiêu tài chính

♦ Về các chỉ tiêu định lượng:

+ Về thực tế sử dụng vốn vay so với cam kết (có đúng mục đích hay không?)

+ Về đối tượng vay vốn có phù hợp với dư nợ hay không (Giá trị vật tư hàng hoá có phù hợp với dư nợ hay không)

Phù hợp nghĩa là giá trị vật tư hàng hoá kiểm tra phải lớn hơn dư nợ. Vì giá trị vật tư hàng hoá ở đây bao gồm cả vốn vay ngân hàng và vốn tự có của khách hàng tham gia và phương án, dự án theo quy định từng thời kỳ của ngân hàng.

+ Về tình hình sản xuất kinh doanh (có hiệu quả không? Có ổn định không? Có tiếp tục đầu tư vốn được không)

+ Về đánh giá tài sản đảm bảo (có đủ đảm bảo cho dư nợ khi xảy ra rủi ro không? Có cần đánh giá lại không?) ■